

**DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH VÀ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ  
GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-SNNMT ngày 09/6/2026 của Sở Nông nghiệp và môi trường)*

*ĐV tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung tâm khuyến nông	Ban QLRR đặc dụng và phòng hộ	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai
1	2	3	4=5+...+13	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>A1</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>											
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-	-	(89,500)		21,000	15,100	53,400				
-	<i>Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục</i>	-	-	(89,500)		21,000	15,100	53,400				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	(5,000)	(5,000)	-	-				-		-	(5,000)
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	(5,000)	(5,000)	-	-				-		-	(5,000)
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	(5,000)	(5,000)	-	-				-		-	(5,000)
-	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ</i>	(5,000)	(5,000)									(5,000)
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-									
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	-	-	-	-				-		-	-
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>			(89,500)		21,000	15,100	53,400				
-	<i>Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục</i>			(89,500)		21,000	15,100	53,400				
<b>A2</b>	<b>Thu dịch vụ và thu khác</b>											
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	(2.431,503)	(2.431,503)	(43.323,600)	(439,779)	32.863,700	10.280,000	2.281,300	(3.413,000)	(435,900)	(657,000)	412,776
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	(2.431,503)	(2.431,503)	(43.323,600)	(439,779)	32.863,700	10.280,000	2.281,300	(3.413,000)	(435,900)	(657,000)	412,776
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	(853,579)	(853,579)	(7.235,400)	(153,079)	2.612,700	2.014,000	1.908,200	-	-	-	-
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	(901,100)	(901,100)	(5.479,700)	(468,300)	1.635,700	1.755,000	1.656,200	-	-	-	-
-	<i>Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục</i>	-	-	(5.084,000)		1.654,000	1.755,000	1.675,000				
-	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ</i>	(901,100)	(901,100)	(395,700)	(468,300)	(18,300)		(18,800)				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	47,521	47,521	(1.755,700)	315,221	977,000	259,000	252,000	-	-	-	-
-	<i>Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục</i>	-	-	(1.493,000)		977,000	264,000	252,000				
-	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ</i>	(409,900)	(409,900)	(262,700)	(142,200)		(5,000)					
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 154/2025/ND-CP của Chính phủ</i>	457,421	457,421		457,421							
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	(880,724)	(880,724)	(30.922,000)	(286,700)	25.251,000	8.184,000	373,100	(3.331,000)	(435,900)	(77,000)	363,776

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung tâm khuyến nông	Ban QLR đặc dụng và phòng hộ	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	(575,200)	(575,200)	-	-	-	1.541,000	-	(1.670,300)	(122,700)	(77,000)	(246,200)
-	Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục	-	-				1.541,000		(1.541,000)			
-	Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ	(575,200)	(575,200)						(129,300)	(122,700)	(77,000)	(246,200)
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	(305,524)	(305,524)	(30.922,000)	(286,700)	25.251,000	6.643,000	373,100	(1.660,700)	(313,200)	-	609,976
-	Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục	-	-	(30.748,000)		25.306,000	6.643,000	383,900	(1.584,900)			
-	Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ	(1.222,900)	(1.222,900)	(174,000)	(286,700)	(55,000)		(10,800)	(75,800)	(313,200)		(307,400)
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 154/2025/ND-CP của Chính phủ	917,376	917,376									917,376
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>	-	-	<b>(49,000)</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>49,000</b>
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	(49,000)	-							49,000
-	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn	-	-	(49,000)								49,000
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp Khoa học công nghệ</b>	-	-	<b>(5.000,000)</b>	-	<b>5.000,000</b>	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	(5.000,000)	-	5.000,000	-	-	-	-	-	-
-	Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục	-	-	(5.000,000)		5.000,000						
<b>5</b>	<b>Sự nghiệp môi trường</b>	<b>(697,200)</b>	<b>(697,200)</b>	<b>(117,200)</b>	-	-	<b>82,000</b>	-	<b>(82,000)</b>	-	<b>(580,000)</b>	-
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	(697,200)	(697,200)	(117,200)	-	-	82,000	-	(82,000)	-	(580,000)	-
-	Điều chỉnh thành lập mới 03 Chi cục	-	-				82,000		(82,000)			
-	Tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ	(697,200)	(697,200)	(117,200)							(580,000)	